



háo máo

毫毛

noun · fine hair/trifle

Example Sentences

Tā yī gēn háo máo dōu méi shāng dào.
他一根毫毛都没伤到。

He didn't hurt a single hair (was completely unharmed).

Zhè jiàn shì bù néng dòng tā yī gēn háo máo.
这件事不能动他一根毫毛。

This matter cannot harm him in the slightest.

Trace each character, then write the word on your own.

毫	毫	毫	毫	毫	毫	毫	毫	毫	毫	毫
毫	毫	毫								

毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛				
